

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH QUY PHẠM HÓA CHÍNH SÁCH

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
Chính sách 1: QUẢN LÝ KIẾN TRÚC	<i>(1) Hoàn thiện quy định về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc:</i> Điều 5. Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc <i>1. Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc là các đặc trưng về tổ chức không gian, hình thức kiến trúc, kỹ thuật xây dựng và cảnh quan phản ánh giá trị văn hóa, lịch sử, tập quán sinh hoạt và điều kiện tự nhiên của cộng đồng dân cư, được hình thành trong một khu vực xác định.</i> <i>2. Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc được xác định, nhận diện thông qua các yếu tố sau:</i> <i>a) Khu vực, tuyến phố, điểm dân cư, công trình có giá trị kiến trúc cần bảo tồn, kế thừa;</i>	a) Tác động đối với hệ thống pháp luật: - Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật về xây dựng. - Làm rõ phạm vi, trách nhiệm quản lý kiến trúc của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Hạn chế chồng chéo giữa quy chế quản lý kiến trúc với các công cụ quản lý quy hoạch, thiết kế đô thị và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch. - Tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng chuyển đổi số, mô hình BIM trong hoạt động kiến trúc và quản lý kiến trúc. b) Tác động về kinh tế - xã hội:

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>b) Các đặc trưng chủ yếu về hình thái không gian, chiều cao, mật độ xây dựng, vật liệu, màu sắc và hình thức kiến trúc tổng thể và tại từng khu vực;</i> <i>c) Yêu cầu về kế thừa, phát huy giá trị kiến trúc truyền thống phù hợp với điều kiện phát triển đô thị và nông thôn.</i> <i>3. Ủy ban nhân dân các cấp, theo thẩm quyền, có trách nhiệm xác định và cụ thể hóa nội dung bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc khi tổ chức lập, ban hành quy chế quản lý kiến trúc; nội dung này là cơ sở để xem xét khi thẩm định thiết kế kiến trúc công trình, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật.</i> <i>(2) Hoàn thiện quy định về quy chế quản lý kiến trúc:</i> Điều 14. Quy chế quản lý kiến trúc 1. Quy chế quản lý kiến trúc được lập cho đô thị và nông thôn như sau: <i>a) Quy chế quản lý kiến trúc đô thị được lập cho thành phố, đô thị, đô thị mới và đặc khu là đô thị; đối với khu vực khác theo yêu cầu quản lý</i>	- Góp phần nâng cao chất lượng không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị và nông thôn. - Tăng cường bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, bản sắc kiến trúc địa phương trong quá trình phát triển đô thị và xây dựng nông thôn. - Nâng cao tính chủ động của địa phương trong quản lý kiến trúc; giảm thời gian xử lý các nội dung quản lý kiến trúc do phân định rõ thẩm quyền và đơn giản hóa thủ tục. - Tạo cơ sở thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kiến trúc. c) Tác động về giới - Các nội dung sửa đổi, bổ sung không có quy định phân biệt đối xử về giới. - Chính sách được áp dụng thống nhất đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kiến trúc, không làm phát sinh tác động bất bình đẳng giới. d) Tác động của thủ tục hành chính - Đơn giản hóa trình tự lập, điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc. - Giảm thủ tục hành chính phát sinh trong quá trình tổ chức thi tuyển kiến trúc thông qua việc

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>trong đô thị, việc lập quy chế quản lý kiến trúc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;</i> <i>b) Quy chế quản lý kiến trúc nông thôn được lập cho xã và đặc khu, trừ trường hợp xã, đặc khu được định hướng là đô thị.</i> 2. Quy chế quản lý kiến trúc phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Phù hợp với quy định tại các điều 10, 11 và 13 của Luật này; b) Phù hợp với <i>quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn</i> đã được phê duyệt và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; c) Phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc, đặc điểm, điều kiện thực tế của địa phương. 3. Quy chế quản lý kiến trúc bao gồm các nội dung sau đây: a) Quy định về quản lý kiến trúc đối với toàn bộ khu vực lập quy chế; kiến trúc cho những khu vực, tuyến đường cụ thể; b) Xác định <i>các tiêu chí</i>, yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này; c) Xác định khu vực cần lập thiết kế đô thị riêng, tuyến phố, khu vực cần ưu tiên chỉnh trang và kế	làm rõ phạm vi áp dụng và các trường hợp không bắt buộc thi tuyển. - Tăng khả năng thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử và chia sẻ dữ liệu trong công tác quản lý kiến trúc.

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	hoạch thực hiện; khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù; d) Quy định về quản lý kiến trúc đối với nhà ở, công trình công cộng, công trình phục vụ tiện ích đô thị, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phải tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc; đ) Quy định về quản lý, bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị; e) Quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy chế quản lý kiến trúc; g) Sơ đồ, bản vẽ, hình ảnh minh họa; h) Phụ lục về danh mục công trình kiến trúc có giá trị. <i>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc trong địa bàn do mình quản lý. Đối với quy chế quản lý kiến trúc các khu vực khác theo yêu cầu quản lý, việc tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.</i>	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	5. Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy chế quản lý kiến trúc; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, lấy ý kiến, công bố và biện pháp tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc. Điều 15. Điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, <i>cấp xã</i> xem xét, tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ 05 năm hoặc quy hoạch chung được phê duyệt hoặc đột xuất để xem xét điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc. Nội dung rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc được thực hiện theo quy định của Chính phủ. 2. Điều kiện điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc được quy định như sau: a) Có sự điều chỉnh về <i>quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn</i>, thiết kế đô thị và <i>điều chỉnh</i> địa giới đơn vị hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, chức năng, quy mô khu vực lập quy chế quản lý kiến trúc; b) Hình thành dự án trọng điểm quốc gia làm ảnh hưởng đến bố cục không gian kiến trúc khu vực lập quy chế quản lý kiến trúc;	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	c) Quy chế quản lý kiến trúc không thực hiện được hoặc việc triển khai thực hiện gây ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, môi trường sinh thái và di tích lịch sử - văn hóa; d) Phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng. <i>Trường hợp đột xuất cần điều chỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung điều chỉnh trên cơ sở kết quả rà soát đột xuất, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc.</i> 3. Nguyên tắc điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc được quy định như sau: a) Tập trung vào nội dung cần điều chỉnh, nội dung không điều chỉnh của quy chế đã phê duyệt vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý; b) Việc điều chỉnh phải trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng, xác định rõ các yêu cầu điều chỉnh để điều chỉnh nội dung quy chế phù hợp với yêu cầu phát triển. 4. <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập điều chỉnh và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập điều chỉnh</i>	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>và ban hành quy chế quản lý kiến trúc trong địa bàn do mình quản lý.</i> <i>(3) Hoàn thiện quy định về thi tuyển kiến trúc:</i> Điều 17. Thi tuyển kiến trúc <i>1. Thi tuyển kiến trúc là việc tổ chức cuộc thi để chọn phương án kiến trúc hoặc ý tưởng kiến trúc tối ưu, đáp ứng yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, văn hóa, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.</i> <i>1a. Công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình thuộc dự án đầu tư công đặc biệt, công trình thuộc dự án đầu tư công theo thủ tục đầu tư đặc biệt không bắt buộc phải thi tuyển kiến trúc; trường hợp cần thiết phải thi tuyển kiến trúc thì người có thẩm quyền quyết định trên cơ sở bảo đảm tiến độ thực hiện của dự án.</i> 2. Công trình phải thi tuyển kiến trúc bao gồm: a) Công trình công cộng cấp đặc biệt, cấp I và <i>không bao gồm trung tâm thí nghiệm an toàn sinh học;</i> b) Nhà ga hàng không (Nhà ga chính) quy mô cấp đặc biệt, cấp I; công trình là biểu tượng về	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	truyền thông, văn hóa và lịch sử của địa phương; công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính được xác định trong quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc thiết kế đô thị hoặc quy chế quản lý kiến trúc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; <i>c) Các công trình kiến trúc khác do cấp có thẩm quyền quyết định theo yêu cầu quản lý phát triển, bảo đảm phù hợp với quy hoạch theo pháp luật đô thị và nông thôn.</i> 3. Việc tổ chức thi tuyển kiến trúc được đề xuất trong chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Đối với công trình có vốn ngoài ngân sách, người quyết định đầu tư có thể tổ chức thi tuyển ý tưởng kiến trúc làm cơ sở đề xuất chủ trương đầu tư và báo cáo nghiên cứu khả thi. Kinh phí thi tuyển kiến trúc được xác định trong tổng mức đầu tư của công trình kiến trúc. 4. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định hình thức thi tuyển phương án kiến trúc, quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc. 5. Chi phí thi tuyển phương án kiến trúc được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	6. Trên cơ sở phương án kiến trúc trúng tuyển, tổ chức, cá nhân có phương án kiến trúc trúng tuyển được thực hiện các bước tiếp theo của dự án khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu. 7. Thông tin về thi tuyển, hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc và kết quả của cuộc thi phải được chủ đầu tư công khai trên phương tiện thông tin đại chúng. 8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. <i>(4) Bổ sung quy định về chuyển đổi số trong hoạt động kiến trúc:</i> Điều 12. Thiết kế kiến trúc 1. Thiết kế kiến trúc gắn với quá trình thiết kế xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế xây dựng bao gồm yêu cầu về thiết kế kiến trúc và thiết kế kiến trúc. 2. Thiết kế kiến trúc phải do cá nhân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn về năng lực thực hiện theo quy định của Luật này. 3. Thiết kế kiến trúc phải xem xét toàn diện các yêu cầu về kinh tế - xã hội, quy định của quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>nông thôn</i>, công năng, kỹ thuật, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bản sắc văn hóa dân tộc và các yêu cầu khác đối với công trình; bảo đảm người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dễ dàng tiếp cận sử dụng; bảo đảm bình đẳng giới. 4. Hồ sơ thiết kế kiến trúc <i>là một thành phần trong hồ sơ thiết kế xây dựng và</i> làm cơ sở cho thiết kế xây dựng. <i>4a. Khi lập hồ sơ thiết kế kiến trúc phải nghiên cứu, áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; ứng dụng mô hình thông tin công trình để thể hiện giải pháp kỹ thuật về kiến trúc trong hồ sơ thiết kế kiến trúc.</i> 5. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết hồ sơ thiết kế kiến trúc.	
Chính sách 2: QUẢN LÝ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC	<i>(1) Đổi mới phương thức quản lý hành nghề kiến trúc:</i> Điều 19. Hành nghề kiến trúc <i>1. Hành nghề kiến trúc là hoạt động tư vấn, chuyên môn về kiến trúc trong quá trình thiết kế xây dựng.</i> <i>2. Hành nghề kiến trúc gồm các công việc sau:</i> a) Thiết kế kiến trúc công trình;	a) Tác động đối với hệ thống pháp luật - Bảo đảm phù hợp chủ trương cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính và đổi mới phương thức quản lý nhà nước. - Tạo sự thống nhất với pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về xây dựng trong quản lý hoạt động nghề nghiệp chuyên môn.

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	b) Thiết kế kiến trúc trong <i>quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn</i>; c) Thiết kế kiến trúc cảnh quan; d) Thiết kế nội thất; đ) Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình; e) Đánh giá kiến trúc công trình; g) Thẩm tra thiết kế kiến trúc. <i>(2) Hoàn thiện quy định về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc:</i> Điều 21. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc <i>1. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc được phân thành các mức độ phù hợp với phạm vi và trách nhiệm hành nghề, là căn cứ để quản lý, kiểm tra, đánh giá hoạt động hành nghề kiến trúc. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn tối thiểu đối với cá nhân tham gia hành nghề kiến trúc là trình độ đào tạo đại học trở lên thuộc lĩnh vực kiến trúc; việc hành nghề kiến trúc phải tuân thủ quy tắc</i>	- Chuyển phương thức quản lý từ tiền kiểm sang kết hợp giữa tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, cơ sở dữ liệu và cơ chế hậu kiểm. - Bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế và yêu cầu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực hành nghề kiến trúc. b) Tác động về kinh tế - xã hội - Giảm chi phí tuân thủ và thời gian thực hiện thủ tục hành chính đối với cá nhân hành nghề kiến trúc. - Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân tham gia hoạt động hành nghề kiến trúc, thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ kiến trúc. - Nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng giám sát hoạt động hành nghề kiến trúc thông qua cơ sở dữ liệu điện tử. - Góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng và kiến trúc. - Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động kiến trúc tại Việt Nam, góp phần tăng cường hợp tác quốc tế và trao đổi chuyên môn. c) Tác động về giới

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>ứng xử nghề nghiệp theo quy định của Luật này.</i> 2. Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thực hiện các công việc quy định tại các điểm a, b và g khoản 2 Điều 19 của Luật này, cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc, kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật này hoặc đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a) Có trình độ đào tạo từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kiến trúc; b) Có kinh nghiệm tham gia hành nghề kiến trúc tối thiểu 03 năm trong tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc hành nghề với tư cách cá nhân; trong đó, tham gia, hoàn thành thiết kế tối thiểu 01 công trình xây dựng cấp 1 trở lên hoặc 01 công trình kiến trúc có yêu cầu thiết kế phức tạp về kỹ thuật, bố cục không gian; c) Đáp ứng yêu cầu về phát triển nghề nghiệp liên tục.	- Các nội dung sửa đổi, bổ sung không có quy định phân biệt đối xử về giới. - Chính sách được áp dụng bình đẳng đối với cá nhân hành nghề kiến trúc, không làm phát sinh khác biệt về cơ hội tiếp cận điều kiện hành nghề giữa nam và nữ. d) Tác động của thủ tục hành chính - Cắt giảm thủ tục sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc. - Giảm thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc. - Chuyển đổi phương thức thực hiện thủ tục từ trực tiếp sang môi trường điện tử. - Giảm số lượng đối tượng bắt buộc phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc. - Giảm thủ tục hành chính đối với người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam thông qua việc bãi bỏ thủ tục công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề do nước ngoài cấp.

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>3. Kiến trúc sư hành nghề đã được cấp chứng chỉ thừa nhận về hành nghề kiến trúc theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết được đảm nhận vị trí chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế khi tham gia hành nghề kiến trúc.</i> <i>(3) Đối mới phương thức cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề kiến trúc</i> Điều 26. Đăng ký hành nghề kiến trúc và cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc <i>1. Cá nhân hành nghề kiến trúc có trách nhiệm đăng ký, đăng tải thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc của mình trên Cổng thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng để tham gia hành nghề kiến trúc. Thông tin, tài liệu đăng ký, đăng tải gồm:</i> <i>a) Bằng tốt nghiệp đại học về lĩnh vực kiến trúc và văn bằng khác có liên quan;</i> <i>b) Bản kê kinh nghiệm hành nghề kiến trúc (nếu có) và tài liệu chứng minh;</i>	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>c) Thông tin về việc đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp (nếu có) và các tài liệu chứng minh;</i> <i>d) Chứng chỉ hành nghề kiến trúc, chứng chỉ thừa nhận lẫn nhau theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết (nếu có);</i> <i>đ) Thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc nêu trên phải được cá nhân hành nghề kiến trúc tự cập nhật định kỳ mỗi 02 năm. Cá nhân hành nghề kiến trúc chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc</i> 2. Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc: <i>a) Cá nhân đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật này, nếu có nhu cầu, gửi yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thông qua Cổng thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng để được cấp chứng chỉ hành nghề;</i> <i>b) Trong thời gian 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27</i>	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>của Luật này cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc bằng hình thức văn bản hoặc điện tử cho cá nhân có nhu cầu.</i> <i>(4) Hoàn thiện điều kiện thúc đẩy cơ chế hậu kiểm:</i> Điều 24. Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc 1. Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc bao gồm: <i>a) Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc;</i> <i>b) Cơ sở dữ liệu về tổ chức hành nghề kiến trúc.</i> <i>2. Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc được thu thập khi cơ quan nhà nước thực hiện công tác quản lý về kiến trúc, thẩm định thiết kế xây dựng và do cá nhân hành nghề kiến trúc, tổ chức hành nghề kiến trúc cập nhật để quản lý trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; bảo đảm theo quy định của Chính phủ về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.</i> Điều 30. Thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc 1. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị thu hồi trong trường hợp sau đây:	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>a) Không hành nghề hoặc không cập nhật thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc trong 03 năm liên tục;</i> b) Giả mạo trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc; c) Vi phạm nghiêm trọng Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề; d) Có sai sót chuyên môn kỹ thuật trong hành nghề kiến trúc gây hậu quả nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đ) Bị cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc liên quan về kiến trúc theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án. 2. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc được cấp lại trong trường hợp sau đây: a) Chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị mất hoặc hư hỏng; b) Thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong Chứng chỉ hành nghề kiến trúc <i>hoặc cấp lại đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã hết thời hạn bị thu hồi.</i> 3. Trường hợp bị thu hồi, Chứng chỉ hành nghề kiến trúc chỉ được cấp lại sau 12 tháng kể từ	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	ngày bị thu hồi và <i>phải</i> bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này. <i>4. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thực hiện rà soát hàng năm thông tin hành nghề kiến trúc để quản lý, theo dõi và quyết định việc thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc, thực hiện cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này.</i> <i>5. Kết quả rà soát thông tin hành nghề kiến trúc và tình hình xử lý liên quan đến tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc được cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này báo cáo định kỳ hằng năm về Bộ Xây dựng.</i> <i>(5) Hoàn thiện quy định đối với người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam:</i> Điều 31. Hành nghề kiến trúc của người nước ngoài tại Việt Nam 1. Người nước ngoài được hành nghề kiến trúc tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau đây: <i>a) Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc còn thời hạn hiệu lực, do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc có bằng tốt</i>	

Tên chính sách nội dung chính sách	Quy định trong dự thảo Luật	Tác động của chính sách trong các quy định
	<i>ngành đại học về lĩnh vực kiến trúc và bản kê kinh nghiệm hành nghề tối thiểu 03 năm sau khi tốt nghiệp đại học về lĩnh vực kiến trúc hoặc có chứng chỉ thừa nhận về hành nghề kiến trúc theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết;</i> b) Tuân thủ pháp luật Việt Nam và Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề của Việt Nam. <i>c) Có giấy phép lao động theo pháp luật của Việt Nam (trừ trường hợp được miễn).</i> 2. Các tài liệu quy định tại điểm a khoản này phải được dịch và công chứng sang tiếng Việt.	

Đánh giá chung

Việc quy phạm hóa các chính sách trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc đã bám sát định hướng đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và chuyển đổi số.

Các chính sách được thể chế hóa thành quy phạm pháp luật cụ thể, xác định rõ nội dung sửa đổi, cơ chế tổ chức thực hiện và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; đồng thời cơ bản bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Nội dung sửa đổi, bổ sung cơ bản không làm phát sinh thủ tục hành chính mới không cần thiết; góp phần giảm chi phí tuân thủ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy hoạt động hành nghề kiến trúc theo hướng công khai, minh bạch, hiện đại.